TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 356/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2018.
V/v : " ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Dũng.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Nguyễn Tấn Hương.
+ Ông Nguyễn Phước Nhật.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 252/2018/HNGĐ-ST ngày 08/8/2018, về "*ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982, trú tại: Thôn V, xã Tam H, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam,

- Bị đơn: Anh Phan V, sinh năm: 1973, trú tại: Thôn V, xã Tam H, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Chị T có mặt, anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Chị Nguyễn Thị T và anh Phan V tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam H vào năm 2002. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T làm đơn yêu cầu ly hôn trong năm 2008 nhưng do có việc gia đình nên chị T rút đơn yêu cầu khởi kiện. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quan hệ vợ chồng không hòa hợp, anh V hay ghen tuông vô cớ. Nay mâu thuẫn không thể khắc phục được,

tình cảm vợ chồng đã hết nên chị T làm đơn yêu cầu ly hôn anh V.

- Về con chung: có ba con chung gồm: Phan Anh T, sinh ngày 29/9/2003; Phan Anh V, sinh ngày 01/12/2007; Phan Anh H, sinh ngày 24/4/2016. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu V và cháu H; giao cháu T cho anh V nuôi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Bị đơn anh V trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án:

- Về điều kiện và thời gian kết hôn anh V đồng ý như chị T khai. Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu đến với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam H vào năm 2002. Anh V cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc, mâu thuẫn không lớn nên anh V không rõ lý do chị T làm đơn ly hôn vào năm 2008 và hôm nay. Nay anh Vinh vẫn còn yêu thương vợ con nên đề nghị Tòa án giải quyết cho về đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có ba con chung gồm: Phan Anh T, sinh ngày 29/9/2003; Phan Anh V, sinh ngày 01/12/2007; Phan Anh H, sinh ngày 24/4/2016. Nếu ly hôn anh V yêu cầu nuôi cả ba con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Riêng anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do là đã vi phạm quy định pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho ly hôn giữa chị T và anh V; về con chung xét giao cháu T cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu V, H cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tài sản chung không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết; nợ chung và cho mượn nợ không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Phan V lần thứ hai không có lý do chính đáng. Tuy nhiên anh V đã được tống đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam H vào năm 2003. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[3] Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh V ghen tuông vô cớ, đời sống vợ chồng không hòa hợp được với nhau. Anh V cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nghiêm trọng.

[4] Sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên quay về đoàn tụ nhưng chị Tuyết vẫn cương quyết ly hôn với lý do không khắc phục được mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị Tt và anh V nếu có kéo dài cũng không đạt được mục đích, hôn nhân không hạnh phúc. Do vậy chấp nhận yêu cầu của chị T, cho ly hôn giữa chị T và anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh V có ba con chung là Phan Anh T, sinh ngày 29/9/2003; Phan Anh V, sinh ngày 01/12/2007; Phan Anh H, sinh ngày 24/6/2016. Chị T yêu cầu được nuôi cháu V và cháu H, giao cháu Tn cho anh V nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh V không đồng ý, yêu cầu được nuôi cả ba con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Xét thấy việc giao con cho ai phải xem xét đến nguyện vọng của con đủ 7 tuổi trở lên cũng như đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho các con. Cháu T có nguyện vọng được ở với anh V với lý do cháu đang theo học nghề với anh V, cháu V có nguyện vọng được ở với chị T, cháu H còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Theo xác minh tại UBND xã Tam H, cả chị T và anh V đều đảm bảo điều kiện nuôi dạy con. Do vậy, xét giao cháu cháu V, cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Tn cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị T trực tiếp nuôi 02 con, anh V trực tiếp nuôi 01 con nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh V; chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung: Chị T và anh V yêu cầu tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

[9] Án phí HNGĐ sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định tại nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tt và anh Phan V.

2. Về con chung: giao cháu Phan Anh V, sinh ngày: 01/12/2007, cháu Phan Anh H, sinh ngày: 24/4/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Phan Anh T, sinh ngày: 29/9/2003 cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi.

Chị T và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự giải quyết.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0002164 ngày 08/8/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Dũng

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam H;
- Lưu hồ sơ, án văn.